

Số: 204 /CV-NSBN

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 04 năm 2026

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Nước Sạch Bắc Ninh thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 4/2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH BẮC NINH

2. Mã chứng khoán: BNW

- Địa chỉ: Số 57 Đường Ngô Gia Tự, P Vũ Ninh, T Bắc Ninh

- Điện thoại liên hệ/Tel:..... Fax: .....

- Email: ..... Website: nuocsachbacninh.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý 1/2026.

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 20/04/2026 tại đường dẫn: .....

**Tài liệu đính kèm:** ✓  
- BCTC Quý 1/2026.  
- VB giải trình LNST tăng.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lưu Xuân Tâm*



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ 1 NĂM 2026**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 1 NĂM 2026	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ 1 NĂM 2026	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026	8 - 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Tiến Long	• Chủ tịch
Ông Lưu Xuân Tâm	• Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Tôn	• Thành viên
Bà Vũ Thị Chuyên	• Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quyết	• Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lưu Xuân Tâm	• Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Tôn	• Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Khánh Tịnh	• Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 03 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026. Trong việc lập báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 hay không;
- Lập báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



**Đào Xuân Tâm**  
**Tổng Giám đốc**

*Ngày 20 tháng 04 năm 2026*

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>151.458.018.337</b>	<b>148.973.935.614</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>51.761.258.520</b>	<b>42.147.572.550</b>
1. Tiền	111		17.134.499.616	5.520.813.646
2. Các khoản tương đương tiền	112		34.626.758.904	36.626.758.904
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>45.150.800.000</b>	<b>45.150.800.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	4	45.150.800.000	45.150.800.000
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>32.165.490.898</b>	<b>39.310.850.860</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	21.767.807.739	18.688.393.928
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.784.854.106	19.834.663.146
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	6	1.110.579.503	1.285.544.236
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	136		(497.750.450)	(497.750.450)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>20.172.140.169</b>	<b>20.705.028.598</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	20.172.140.169	20.705.028.598
<b>VI Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>160</b>		<b>2.208.328.750</b>	<b>1.659.683.606</b>
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	9	361.562.077	184.199.879
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		1.821.002.331	1.319.881.797
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	16	25.764.342	155.601.930
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>803.625.359.389</b>	<b>779.842.371.612</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>655.506.593.654</b>	<b>665.602.673.166</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	653.951.526.195	663.911.033.566
- Nguyên giá	222		1.152.395.278.783	1.150.401.680.499
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(498.443.752.588)	(486.490.646.933)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	1.555.067.459	1.691.639.600
- Nguyên giá	228		7.828.798.850	7.828.798.850
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6.273.731.391)	(6.137.159.250)
<b>V. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>111.332.194.701</b>	<b>79.056.093.777</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	8	111.332.194.701	79.056.093.777
<b>VI Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>260</b>		<b>14.270.362.558</b>	<b>14.270.362.558</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	4	14.270.362.558	14.270.362.558
<b>VII Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>22.516.208.476</b>	<b>20.913.242.111</b>
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	9	22.516.208.476	20.913.242.111
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)</b>	<b>280</b>		<b>955.083.377.726</b>	<b>928.816.307.226</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 này


**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026 (Tiếp theo)**


Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>554.925.796.533</b>	<b>515.882.636.680</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>176.462.618.925</b>	<b>142.697.990.708</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	15.662.141.509	9.261.807.436
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		669.115.291	661.942.924
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	12	22.529.634.600	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	16	73.944.585.376	68.091.380.575
5. Phải trả người lao động	315		8.574.495.003	14.316.121.103
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	13	2.363.138.432	3.085.753.802
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	17	18.897.948.850	20.105.588.941
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	18	33.155.158.919	25.992.014.982
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		666.400.945	1.183.380.945
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>378.463.177.608</b>	<b>373.184.645.972</b>
8. Phải trả dài hạn khác	338	17	91.597.728.799	92.869.198.557
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	18	286.865.448.809	280.315.447.415
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>19</b>	<b>400.157.581.193</b>	<b>412.933.670.546</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		375.493.910.000	375.493.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		375.493.910.000	375.493.910.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.050.000.000	3.050.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.613.671.193	34.389.760.546
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	420a		11.860.125.946	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		9.753.545.247	34.389.760.546
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>955.083.377.726</b>	<b>928.816.307.226</b>

  
Nguyễn Thị Ngọc Hiếu  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Phương  
Kế toán trưởng

  
Lưu Xuân Tâm  
Tổng Giám đốc


Ngày 20 tháng 04 năm 2026


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 này


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 1 NĂM 2026**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Kỳ này	Kỳ trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	74.523.250.673	62.737.822.988	74.523.250.673	62.737.822.988
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		74.523.250.673	62.737.822.988	74.523.250.673	62.737.822.988
4. Giá vốn hàng bán	11	22	51.865.260.319	46.095.202.670	51.865.260.319	46.095.202.670
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		22.657.990.354	16.642.620.318	22.657.990.354	16.642.620.318
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	24	756.965.947	685.479.706	756.965.947	685.479.706
8. Chi phí tài chính	23		5.266.793.555	2.631.543.420	5.266.793.555	2.631.543.420
- Trong đó : Chi phí lãi vay	24		5.266.793.555	2.631.543.420	5.266.793.555	2.631.543.420
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	6.353.647.759	4.694.181.464	6.353.647.759	4.694.181.464
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		11.794.514.987	10.002.375.140	11.794.514.987	10.002.375.140
12. Thu nhập khác	31	25	213.941.485	195.651.422	213.941.485	195.651.422
13. Chi phí khác	32		-	-	-	-
14. Lợi nhuận khác : ( 40 = 31 - 32 )	40		213.941.485	195.651.422	213.941.485	195.651.422
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : ( 50 = 30 + 40 )	50		12.008.456.472	10.198.026.562	12.008.456.472	10.198.026.562
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	2.107.911.225	1.608.504.277	2.107.911.225	1.608.504.277
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: ( 60 = 50 - 51 )	60		9.900.545.247	8.589.522.285	9.900.545.247	8.589.522.285
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	260	227	260	227

  
Nguyễn Thị Ngọc Hiếu  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Phương  
Kế toán trưởng


  
Lương Xuân Tâm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 20 tháng 04 năm 2026


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ 1 NĂM 2026**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.008.456.472	10.198.026.562
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	-	-
- Các khoản dự phòng	03	-	(74.563.750)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(756.965.947)	(685.765.512)
- Chi phí lãi vay	06	6.392.781.525	2.631.543.420
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	29.733.949.846	23.928.189.689
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(6.908.656.564)	2.353.956.937
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	358.616.781	(698.371.790)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.803.120.046	2.913.827.241
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.780.328.563)	829.411.629
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.152.785.746)	(2.470.998.565)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.985.652.300)	(3.606.124.576)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	10.530.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(516.980.000)	(569.520.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	14.551.283.500	22.690.900.565
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(19.131.506.155)	(56.970.357.460)
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	25.900.000.000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	480.763.294	436.164.175
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(18.650.742.861)	(30.634.193.285)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
- Tiền thu từ đi vay	33	18.646.979.106	18.075.619.860
- Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.933.833.775)	(5.370.977.712)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(26.284.573.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	13.713.145.331	(13.579.931.552)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	50	9.613.685.970	(21.523.224.272)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	42.147.572.550	30.986.613.786
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	70	51.761.258.520	9.463.389.514

  
Nguyễn Thị Ngọc Hiếu  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Phương  
Kế toán trưởng

  
Lưu Xuân Tâm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 20 tháng 04 năm 2026



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 kèm theo.*

### **ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh theo Quyết định thành lập số 500/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2015 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bắc Ninh ban hành. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh năm lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300108311 ngày 14 tháng 03 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 là **293** (ngày 1 tháng 1 năm 2026: 294).

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh nước sạch;
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước;
- Xây lắp hệ thống điện cao thế đến 35KV;
- Xây dựng nhà dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình hạ tầng đô thị;
- Xây dựng kênh mương, trạm bơm, trạm giao thông nông thôn;
- Xây dựng đường nông thôn nội tỉnh;
- Kinh doanh vật tư thiết bị ngành cấp thoát nước;
- Kinh doanh bất động sản;
- Quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị và khu Công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch và xây dựng các công trình cấp thoát nước.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 kèm theo.*

### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán Quý 1 năm 2026 và thuyết minh liên quan là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1 năm 2026. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 1 năm 2026 và thuyết minh liên quan là số liệu của báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 đã được soát xét.

## **1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026 VÀ KỲ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026**

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026.

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 này được lập cho kỳ hoạt động 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026.

## **2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 kèm theo.*

chính Quý 1 năm 2026 yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Các khoản đầu tư**

#### *Góp vốn liên doanh*

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 kèm theo*

Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên và thực sự khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 kèm theo*

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình tại ngày 01 tháng 5 năm 2017 của Công ty được ghi nhận theo Biên bản thẩm tra xác định giá trị doanh nghiệp của Ban Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp Tỉnh Bắc Ninh ngày 09 tháng 6 năm 2016.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. cụ thể như sau:

	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc, thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải	05 – 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 25

**Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

***Tài sản cố định vô hình khác***

Tài sản cố định vô hình khác là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của một số Nhà máy nước được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của các tài sản cố định vô hình này bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 14 đến 20 năm.

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình tại ngày 01 tháng 5 năm 2017 của Công ty được ghi nhận theo Biên bản thẩm tra xác định giá trị doanh nghiệp của Ban Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp Tỉnh Bắc Ninh ngày 09 tháng 6 năm 2016

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 kèm theo*

thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác. bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý. sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán nước sạch được xác định và tính toán dựa trên biểu giá tiền nước quy định bởi Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh và khối lượng nước tiêu thụ hàng tháng, được xác định theo chỉ số đồng hồ nước đo được của các khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Quý I năm 2026 kèm theo*

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### **Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Quý I năm 2026 kèm theo

các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	117.185.264	242.393.136
Tiền gửi không kỳ hạn	17.017.314.352	5.278.420.510
Các khoản tương đương tiền (i)	34.626.758.904	36.626.758.904
	<u><b>51.761.258.520</b></u>	<u><b>42.147.572.550</b></u>

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại ngân hàng, lãi suất từ 2,4%/năm - 4,75%/năm